

Việt Nam
Lịch sử không biên giới

Mục lục

Lời mở đầu	7
Lưu ý về các thuật ngữ trong sách	9
VIỆT NAM	11
Nhập đề	13
01 Nghiên cứu làng Việt: thực trạng và triển vọng	41
KIẾN TẠO VIỆT ĐỐI LẬP HÁN	65
02 So sánh nhận thức của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên về lịch sử Việt Nam	66
03 Kỹ nghệ thuốc súng Trung Quốc và Đại Việt khoảng 1390-1497	99
04 Vượt lên huyền thoại về sự bình đẳng - quyền thừa kế của phụ nữ trong luật thời Lê	160
SỰ ĐA DẠNG CỦA VÙNG ĐẤT PHƯƠNG NAM	193
05 Châu thổ Mêkông và thế giới thủy biên thế kỷ XVIII	194
06 Một vùng đất - hai lịch sử: tiền tố Chăm trong lịch sử vùng đất Hội An	216
07 Sự đa dân tộc và đa sắc tộc trong giai đoạn đầu thời Nguyễn Ánh Gia Long	257

NHỮNG CUỘC CHẠM TRÁN VIỆT-ÂU	287
08 Vượt đại dương, vượt đường biên: cuộc đời đầy dấu ấn của Philiphê Bình (1759-1832)	288
09 Kẻ xa lạ nơi xứ người, những lính thợ Việt Nam ở Pháp trong Thế chiến thứ nhất	338
10 Nhìn lại Pigneau de Béhaine - nhân vật truyền giáo và chính trị lịch sử thực dân Pháp, 1894-1914	382
Thư mục tham khảo	430
Mục từ tham khảo	472

Lời mở đầu

Khối nội dung này thực hiện được là nhờ có một thế hệ mới các học giả nghiên cứu về Việt Nam, tất cả đều dồi dào hơn về số lượng lẫn độ đa dạng so với các tiền bối. Ý tưởng tổ chức một hội thảo nhằm quy tụ các học giả Việt Nam học trên khắp thế giới đã xuất hiện từ một hội nghị diễn ra tại Đại học Pennsylvania vào tháng 4 năm 2000: “Moving beyond the War: New Directions in the Study of Việt Nam” [Tiến lên sau cuộc chiến: Những hướng mới trong nghiên cứu về Việt Nam]. Khoa Lịch sử và Trung tâm Nghiên cứu Đông Á thuộc Đại học Pennsylvania, và đặc biệt là chủ tịch lúc bấy giờ - Lynn Lees, đã có những hỗ trợ cần thiết để sự kiện có thể diễn ra. Tại hội thảo, chúng tôi đều nhận ra được sự phấn khích mà hội thảo này mang đến, do vậy quyết định sẽ có một diễn đàn định hướng hơn để tiếp nối chuỗi đối thoại này.

Một Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á mới tại UCLA ra đời có vẻ như là một nơi phù hợp cho nhiều nhà nghiên cứu hội ngộ. “Việt Nam: Beyond the Frontiers” [Việt Nam: bên ngoài những đường biên] tổ chức vào tháng 5 năm 2001 đã thử thách giới hạn của những gì khả thi, với một thế hệ nhà nghiên cứu trẻ hơn cùng tham gia đối thoại với những “cột trụ” trong lĩnh vực này. Chúng tôi biết ơn những người đã đóng góp những nghiên cứu đầy tính suy tư cho

chương trình hội nghị: Jessica Breitenicher, Micheline Lessard, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Xuân Thu, Panivong Norindr, Douglas Padgett, Melissa Pashigian, Minh Hoa Ta, Angie Ngoc Tran, Caroline Valverde và John Wills. Lời cảm ơn này cũng dành cho những học giả đã cùng thảo luận tại sự kiện: Cường Tự Nguyễn, Thu-Hương Nguyễn-Võ, Linda Võ, John Whitmore và Peter Zinoman. Tại UCLA, đội ngũ thuộc Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, bao gồm David Deltesta (bấy giờ là đồng giám đốc), Jennifer Winther, Elmer Almer cùng Paul Nguyen và Thao Nguyen (các trợ lý hội thảo) đã khiến việc lên kế hoạch điều phối trở nên thật dễ dàng. Chưa hết, sự hỗ trợ của Christine Cao, Catherine Greene-Husbands và Hueybin Teng đã giúp đảm bảo cho toàn bộ chương trình diễn tiến trơn tru.

Hội thảo trở nên khả thi còn nhờ sự tài trợ hào phóng của các chương trình và khoa sau của UCLA: Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á, Chương trình So sánh và Nghiên cứu liên ngành về châu Á (CIRA), Khoa Lịch sử UCLA và Chương trình Nghiên cứu Khu vực và Quốc tế (ISOP). Thông qua Hội châu Á ở các hãng hàng không South California và Cathay Pacific, Gary Larsen đã thu xếp việc di chuyển cho những người tham dự đến từ Việt Nam.

Trong suốt hội thảo, chúng tôi nhận ra rằng những bước tiến trong việc phân tích lịch sử là đặc biệt quan trọng, và lịch sử Việt Nam sẽ trở thành chủ đề cho cuốn sách này. Vậy nên với những nỗ lực tiếp theo, chúng tôi lại “mang nợ ân tình” với những cộng sự của mình, họ đã viết đi viết lại để mọi thứ đạt đến những tầng bậc cao hơn, sau đó kiên nhẫn chờ đợi kết quả sau cùng. Ngoài ra, cũng cảm ơn hai độc giả ẩn danh của Nhà xuất bản Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á vì đã có những bình luận sâu sắc cho bản thảo của chúng tôi khi đọc rà soát. Ở bản đọc rà sau cùng, chúng tôi đã nhận được sự hỗ trợ to lớn từ Tan Ying Ying, Kamalini Ramdas và Connie Teo Eng Seng thuộc Viện Nghiên cứu châu Á ở Singapore.

Toronto và Singapore, năm 2005

Lưu ý về các thuật ngữ trong sách

Để đảm bảo tính nhất quán, chúng tôi quyết định giữ nguyên các thuật ngữ tiếng Việt với đầy đủ dấu thanh trong văn bản tiếng Anh. Thuật ngữ chữ Hán đã được chuyển thành từ/cụm từ Hán-Việt tương ứng.

Tên riêng được dùng trong sách có thể có hoặc không có dấu phụ theo quy ước tiếng Việt và/hoặc quy ước phương Tây. Có nhiều tranh cãi về cách dùng cụm “Việt Nam”. Trong giai đoạn trước thế kỷ XIX, tùy tình huống, chúng tôi có sử dụng các tên gọi khác nhau để chỉ thực thể “Việt Nam”. Các tác giả trong tập này cũng đã sử dụng Đàng Trong để chỉ vùng phía nam của chế độ cai trị của nhà Nguyễn trong thời kỳ tiền Gia Long. Khi thảo luận về văn học thuộc địa, chúng tôi đã cố gắng sử dụng thuật ngữ được các tác giả sử dụng trong tham luận dự hội thảo.

VIỆT NAM



Đại Nam nhất thống toàn đồ (tức bản đồ Việt Nam năm 1839), trong *Tiên Lê Nam Việt bản đồ mô bản*, bản lưu ở Thư viện Viện Viễn Đông Bác Cổ, Paris.

Ghi chú: Viet/A/GEO/4

Nhập đề

Tạo dựng những bản sắc lịch sử Việt Nam

TRẦN TUYẾT NHUNG VÀ ANTHONY REID

Hiếm có nền sử học nào lại mang dấu ấn dân tộc đậm nét như sử học về Việt Nam trong thế kỷ XX. Gia nhập trận chiến cam go vì sinh tồn và bản sắc dân tộc suốt phần lớn thế kỷ này, các nhà sử học Việt Nam và những ai có thiện cảm với họ trên thế giới đã dồn sức tập trung vào dòng trần thuật vĩ mô về cuộc đấu tranh dân tộc chống lại Trung Hoa, Pháp và Mỹ. Chỉ tới gần đây một thế hệ mới các nhà sử học mới có thể bắt đầu khám phá những phức hợp văn hóa và chính trị trong mối quan hệ giữa nhiều dân tộc sống trên bán đảo Đông Dương mà không phải cân nhắc đến hệ quả từ những gì mình viết đối với cuộc đấu tranh dân tộc.¹ Cuốn sách này là một bước tiến nữa của thế hệ đó.

-
1. Dấu mốc chính của thế hệ các nhà sử học này là hai công trình *Essays into Vietnamese Pasts* [Những bài viết về những quá khứ của Việt Nam] của Taylor và Whitmore, *Nguyễn Cochichina* [Cochichina của nhà Nguyễn] của Li Tana, và bài viết “Surface Orientations in Vietnam” [Những định hướng bề nổi ở Việt Nam] của Taylor. Hai công trình này sẽ được bàn luận trong các chương của hợp tuyển này.

Cuốn sách mở ra những tri thức sâu và mới về sự tương tác giữa bản sắc Việt, Hoa, Chăm, Khmer, Pháp cũng như các dân tộc không có nhà nước trên bán đảo này trong hơn một nghìn năm. Nó làm phát lộ một lịch sử không chỉ ở giao điểm giữa Đông và Đông Nam Á mà còn tự mình hòa trộn và mở ra nhiều khả năng. Việc cuốn sách này vượt qua các ranh giới còn có một ý nghĩa nữa. Một thế hệ trước đây, giới sử học phương Tây viết về Việt Nam với tư thế hoàn toàn tách rời khỏi sử học Việt Nam, cho dù là có thiện cảm với nó, cũng như xa lánh sử học thực dân Pháp. Những gì công bố ở Trung Quốc và Nhật Bản gần như không được các học giả phương Tây biết đến. Cuốn sách này tiêu biểu cho cuộc đối thoại đang tiếp diễn giữa các nhà sử học được đào tạo, hoặc được đào tạo một phần ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc cũng như Hoa Kỳ. Nổi bật trong đối thoại này là Giáo sư Phan Huy Lê, một bậc lão thành trong giới sử học Việt Nam và hậu duệ của một gia tộc trí thức nổi tiếng, với sự nghiệp trải suốt tiến trình của nền sử học thời Việt Nam độc lập. Một đại diện khác của thế hệ đi trước là học giả đầu ngành về nghiên cứu Việt Nam, Yu Insun người Hàn Quốc, được đào tạo về lịch sử Việt Nam và Đông Nam Á ở Nhật Bản, Hoa Kỳ và đã mang đến một quan điểm độc đáo về các nguồn sử liệu. Không cần sắp đặt câu kỳ, hợp tuyển này cho thấy nghiên cứu lịch sử Việt Nam sớm muộn gì cũng nhất thiết phải trở thành một cuộc đối thoại quốc tế.

Lẽ dĩ nhiên, xét ở mặt nào đó, việc mở rộng nghị trình về lịch sử Việt Nam đi theo một khuynh hướng toàn cầu. Mặc dù sức ép của chủ nghĩa dân tộc là rất lớn ở Việt Nam, đặc biệt là trong phần tư thứ ba của thế kỷ trước, nhưng khắp nơi vẫn có một nhu cầu minh rọi cho những tác nhân, mạng lưới và phong trào không mang tính dân tộc. Công trình của Prasenjit Duara về lịch sử Trung Quốc hiện đại, thành quả nghiên cứu của Partha Chatterjee và những người khác thuộc trường phái nghiên cứu tầng lớp bình dân ở Ấn Độ đã tìm cách

phân biệt trải nghiệm lịch sử ra khỏi những trần thuật dân tộc.¹ Trong mảng nghiên cứu Đông Nam Á, Thái Lan đã sản sinh ra những tranh luận thú vị nhất, có lẽ là bởi việc viết sử theo tư tưởng dân tộc vốn đã đạt tới đỉnh cao ở nước này cũng như nơi khác vào giữa thế kỷ XX không có được vầng hào quang hợp thức của việc đánh đuổi chủ nghĩa thực dân. Như nhà sử học Thongchai Winichakul gần đây đã lập luận, “‘Tính hợp lệ’ của việc viết ‘sử dân tộc’ ở châu Á giờ đây đã bị nghi vấn và nhu cầu phải ‘cứu thương’ nó được đề cao. Quốc gia với tư cách một chủ thể lịch sử, một giả thuyết tự nhiên cho trước được nhiều nhà tư tưởng lớn tôn vinh suốt từ thế kỷ XIII đến XX, giờ đây đang gặp khó”.²

Ông kêu gọi “viết sử từ những khe kẽ của các nền văn hóa, từ những giới hạn, những góc cạnh ven lề giờ đã không còn là ngoại vi nữa”. Cuốn sách này không lẻ loi. Tổng thuật lịch sử sau đây về những nơi chốn ở Việt Nam trước thời thuộc địa đặt những nghiên cứu mới trong hợp tuyển này vào bối cảnh đã có từ trước chúng.

TRANH LUẬN SỬ HỌC VỚI TRUNG HOA

Ngành viết sử Việt Nam được sinh ra từ nỗi trăn trở nghìn năm với mối quan ngại về một người láng giềng mạnh hơn, một kẻ thực dân từ nghìn đời cùng một mô hình học vấn từ phương Bắc. Nho sĩ đời Trần và Lê (thế kỷ XIII và XV) đương đầu với vấn đề này bằng cách truy tìm một phả hệ cổ xưa cho sự tự trị của Việt Nam. Như bài viết của Yu Insun cho thấy, cả Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên đều đi tìm điểm khởi đầu cho một nước Nam trước Bắc thuộc, cho dù giải pháp của họ có khác nhau. Lê Văn Hưu tập trung vào việc Triệu Đà thiết lập quyền lực vào thế kỷ II trước Công nguyên (TCN) để làm nổi rõ

1. Duara, *Rescuing History from the Nation* [Cứu lấy lịch sử khỏi dân tộc]; Chatterjee, *Nation and Its Fragments* [Dân tộc và những mảnh vỡ của nó].

2. Thongchai Winichakul, “Writing at the Interstices” [Viết ở những khe hở], 3-4.

sự bình đẳng của Đại Việt so với Trung Hoa. Ngô Sĩ Liên đi xa hơn, truy tìm nguồn gốc của nền tự trị Việt Nam về tận thời Hồng Bàng, khi Lạc Long Quân, hậu duệ của Viêm Đế Thần Nông, đã cùng vị tiên hôn phối sinh hạ một trăm con trai vào khoảng năm 2789 TCN. Bằng cách truy nguyên nguồn gốc Việt Nam tới Thần Nông Viêm Đế, vị thứ nhì trong ba Thánh Vương trị vì thiên giới,¹ và tạo ra một thần thoại khởi sinh độc lập khỏi người Hán, Ngô Sĩ Liên đã tạo dựng một bản sắc Việt Nam ngang bằng nếu không muốn nói là cao hơn người Trung Quốc. Ngay cả người nhận đạo Công giáo Bento Thiện, người đầu tiên viết lịch sử An Nam bằng chữ quốc ngữ (1659) theo yêu cầu của tu sĩ dòng Tên Francis Marini, cũng truy nguyên nguồn gốc đất nước về tới Thần Nông Viêm Đế.² Ấy thế nhưng, đến khi chính những người Âu châu viết lại câu chuyện, theo dẫn dắt của một tu sĩ dòng Tên thế kỷ XVII, Alexandre de Rhodes, thì nguồn gốc xã hội những người “Tông-canh” [Tonquinese] lại được truy về thời điểm xứ này đặt nền móng độc lập của nó và tách khỏi Trung Hoa vào thế kỷ X.³

Sự áp đặt thẩm quyền của Pháp trong thế kỷ XIX đã dẫn tới những kiến tạo Tây phương hiện đại đối với một lịch sử Việt Nam tuyến tính do các học giả thực dân khởi xướng. Những học giả người Pháp đầu tiên thực thi nhiệm vụ này, cũng như những người Việt Nam trước đó, bị ám ảnh bởi những liên hệ với Trung Hoa, nhưng lại đưa ra một kiến giải đối lập, cho rằng lịch sử Việt Nam là lịch sử “phụ thuộc”, bắt nguồn từ, thứ cấp so với, và vay mượn các thiết chế Trung Hoa theo cách không sáng tạo. Adrien Launay, một sử gia của Hội Truyền giáo, cho rằng “người An Nam giữ được một số phong tục nhất định của mình, nhưng về cơ bản mà nói, văn minh An Nam là theo Trung Quốc”. Ông viết tiếp, “việc thiếu vắng hoàn toàn sự

1. Xem Hucker, *China's Imperial Past* [Quá khứ vương triều Trung Hoa].

2. Bento Thiện, “Lịch sử nước An Nam”, 248-250.

3. Rhodes, *Histoire du royaume du tunquin* [Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài], 5.

tiến bộ trong xã hội An Nam so với văn minh Trung Hoa và tình trạng trẻ nãi trong các ngành khoa học và nhân văn, thấp kém hơn nhiều so với Trung Quốc, [cho thấy] rằng nếu không có Bắc thuộc, *Giao Chi* cổ xưa chắc hẳn phải dựa trên những cộng đồng bộ tộc hoang dã, cũng như người Mường sống ở vùng biên viễn”.¹

Với những mức độ tinh tế khác nhau, các học giả khác cùng trường phái đồng hóa như Eliacin Lurô và Paul Ory, cũng lặp lại cách đặc trưng hóa của Launay, khắc họa xã hội Việt Nam thành một phiên bản mờ tối của mô hình phương Bắc.² Một số học giả khác trong thế hệ này nghiêng về khuynh hướng Đông phương luận mới mà về sau sẽ xuất hiện khi họ chấp nhận một số sáng kiến khai thác các thiết chế Trung Hoa của người Việt. Ngay cả Camille Briffaut, tác giả cuốn *La cité annamite* [Thành An Nam] vốn khẳng định làng là nét độc đáo riêng của Việt Nam, cũng truy nguyên nguồn gốc của nó đến làng ở Trung Quốc. Thế nhưng, ông lập luận rằng đó chính là thành công của “những người An Nam” trong việc thay đổi thiết chế Trung Hoa sao cho phù hợp với công cuộc mở rộng Việt Nam về phía tây và phía nam. Những chính sách buổi đầu “khai hóa văn minh” trước khi chuyển sang những ý tưởng hợp tác đã được hợp thức hóa bằng cách mô tả lịch sử Việt Nam là bất biến, bắt nguồn từ bên ngoài và hoang dã.

-
1. Launay, *Histoire ancienne et moderne de l'Annam* [Lịch sử An Nam cổ đại và hiện đại], 37.
 2. Cuốn sách *Cours d'administration annamite* [Hành chính An Nam] và *Le pays d'Annam* [Nước An Nam] của Lurô tiêu biểu cho một mô hình trung hòa hơn. Trong hai nghiên cứu này, Lurô lập luận rằng người Việt Nam đã du nhập những thiết chế cai trị quan trọng của Trung Hoa và duy trì chúng cho tới tận đêm trước thời thuộc địa. Tương tự, Paul Ory tranh luận rằng làng An Nam là bản sao của làng Trung Quốc và được tổ chức giống nhau. Xem thêm Schreiner, *Les institutions annamites* [Các thiết chế An Nam], vol. 1. Xem cuốn *Political Myth and the Problem of Other* [Huyền thoại chính trị và vấn đề kẻ khác] của Cooke để biết sâu và đủ hơn về những diễn ngôn thuộc địa sơ kỳ cho rằng xã hội Việt Nam xuất xứ từ Trung Hoa.

Lịch sử thiết chế của cơ quan học thuật mang tính công cụ cho nước Pháp ở Đông Dương kể từ 1898, Viện Viễn Đông Bác Cổ, diễn tiến song song với lịch sử của những thái độ thực dân nói chung. Một trong những nhiệm vụ của nó là đánh bật sự thống trị của tầng lớp sĩ phu Nho học cảm thông với phong trào chính trị phục hưng như kiểu Cần Vương và thay vào đó bằng mô hình của một “trí thức hững hờ”.¹ Thế hệ trẻ hơn gồm các nhà Đông phương học đã thách thức các chính sách đồng hóa được xây dựng dựa trên những mục tiêu ban đầu, cho rằng chúng làm suy yếu mục tiêu thực dân của nước Pháp. Louis Finôt, giám đốc đầu tiên của Viện Viễn Đông Bác Cổ, đề xuất một chính sách ưu thế hơn, “phát hiện ra nguồn gốc, giải thích những dị biệt và hợp thức hóa sự đa dạng” của các thuộc địa.²

Những công trình về bản sắc Việt Nam in trong tạp san của Viện Viễn Đông Bác Cổ (*Bulletin de l'EFEO*) thể hiện chuyển biến này trong những khuyến nghị thực dân của Viện, khi các học giả bắt đầu đề cao các thiết chế mà họ cho là nét độc đáo riêng “của An Nam”, thách thức công trình của Briffaut và các học giả Đông phương luận trước đó.³ Diễn ngôn về bản sắc Việt Nam thay đổi là sự phản ánh một mong muốn lớn hơn của chính quyền và các học giả thực dân, muốn tách thuộc địa “của họ” ra khỏi Trung Quốc hoặc sự Ấn hóa gắn với người Anh. Tiêu biểu cho nỗ lực này là anh em Maspéro với các công trình giúp phân biệt Trung Quốc với những thực thể Đông Nam Á. Henri Maspéro viết rất nhiều về lịch sử và các thiết chế Trung Hoa, còn người em của ông, George, lại xuất bản các công trình về sự độc đáo của người An Nam, Campuchia và Chăm.⁴ Cũng nằm trong nỗ lực này, BEFEO còn công bố bản dịch Luật nhà Lê của

-
1. Singaravelou, *L'école française d'Extrême-Orient* [Viện Viễn Đông Bác Cổ], 72.
 2. Louis Finôt, “Les études indochinoises” [Những nghiên cứu về Đông Dương], 232.
 3. Claude Maître, “Critique sur M. Briffaut” [Phê bình ngài Briffaut].
 4. Maspéro, *Un empire colonial français* [Đế chế thuộc địa Pháp].

Raymond Déloustal và tuyên bố rằng đó chính là hiện thân của các phong tục An Nam thượng cổ (hiểu là tiền-Hán).¹ Thế hệ các học giả EFEO tiếp sau, mà giám đốc Viện trong những năm 1940, với Georges Coedès là người đại diện, đã chuyển dịch tiếm cận các học giả ở Java, Miến Điện và Malaya, hình thành một mô hình toàn Đông Nam Á bị “Ấn hóa” mà không mất đi đặc trưng riêng của mình. Champa và Campuchia được nhấn mạnh là một phần của Đông Nam Á, trong khi Việt Nam lại có một mối liên hệ mập mờ, phức tạp với nó.²

LỊCH SỬ TỰA KIẾN QUỐC

Thật trớ trêu là chính mô hình nghiên cứu theo hướng đồng phương luận, đặt trọng tâm vào Việt Nam của Viện Viễn Đông Bác Cổ nhằm làm đối trọng với những phong trào chống phương Tây ở Trung Quốc và Nhật Bản, lại tiếp sức cho các nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam trong việc tạo dựng dòng trần thuật của mình.³ Bằng cách đề cao những đặc trưng không Trung Hoa của xứ thuộc địa này, các học giả Viễn Đông Bác Cổ đã vô hình trung tạo dựng nên một mô hình “bản xứ”, được những người có tư tưởng dân tộc tiếp tục khai thác trong việc kiến tạo nên tính tất yếu của dân tộc Việt Nam. Những chủ đề nổi bật bao gồm một nguồn gốc riêng biệt, không Trung Hoa, sự thuần nhất của văn hóa Việt Nam và cách giải thích việc mở mang bờ cõi quốc gia theo hướng tư duy về cuộc Nam tiến. Mặc dù những nhà dân tộc chủ nghĩa người Việt Nam tạo dựng nên dòng trần thuật này,

-
1. Déloustal, “La justice dans l’ancien Annam” [Luật pháp An Nam cổ]; Maître, “Introduction à l’ouvrage du M. Déloustal” [Dẫn luận công trình của ngài Déloustal].
 2. Coedès, *Histoire ancienne des états hindouisés d’Extrême-Orient* [Lịch sử cổ đại của những nhà nước Ấn hóa ở Viễn Đông].
 3. Xem luận bàn về Nguyễn Văn Huyền trong phần sau của chương này.

thế hệ các nhà sử học đầu tiên nghiên cứu về Việt Nam ở Mỹ lại phát triển lối viết sử đó với những lý do riêng của họ.

Thế hệ học giả Việt Nam đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ và trong dòng ý niệm lịch sử lấy quốc gia làm trung tâm đã dựa vững chắc vào các công trình của người Pháp thực dân và những bộ biên niên của nhiều triều đại trước, đồng thời chịu ảnh hưởng của các mô hình tư tưởng dân tộc và canh tân ở Trung Quốc và Nhật Bản. Một nhân vật giao thời quan trọng trong khía cạnh này và trên nhiều bình diện khác chính là Phan Bội Châu, một chí sĩ Nho học, nhà hoạt động chống Pháp theo tư tưởng quốc gia dân tộc, người mà triết lý chính trị đã phát triển từ canh tân triều đại cho tới giải phóng dân tộc. Tác phẩm *Việt Nam quốc sử khảo* xuất bản năm 1909 của ông tuy vẫn viết bằng chữ Hán, dựa trên vốn Nho học kinh điển của ông, nhưng đã đi theo các mô hình dân tộc chủ nghĩa của Trung Quốc, Nhật Bản và Pháp, để ra một lịch sử đặt trọng tâm vào dân tộc.¹

Nhưng có ảnh hưởng rộng khắp trong các trường học vào những năm 1920 cho tới những năm 1950 phải kể đến *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim (1883-1953), lần đầu xuất bản năm 1920, thuật lại sử theo lịch đại từ nguồn gốc huyền thoại của Việt Nam cho tới khi Pháp đặt ách đô hộ vào năm 1858. Với tinh thần phê phán, Kim đã phân tích lịch sử các triều đại, thừa nhận rằng việc Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên tạo dựng nên một bản sắc lịch sử Việt Nam có từ trước thời nhà Thương là không nhất quán với những hiểu biết duy lý về tiến trình lịch sử. Mặc dù phủ nhận cách mô tả cụ thể này nhưng ông đã hợp lý hóa nhu cầu cần đến nó, ông viết, “Nhưng ta phải hiểu rằng nước nào cũng vậy, lúc ban đầu mờ昧, ai cũng muốn tìm cái gốc tích của mình ở chỗ thần tiên để cho vẻ vang cái chủng loại của mình”.² Biết rõ những lập luận lịch sử của phong trào quốc gia ở Trung Quốc,

1. Cũng xem *Việt Nam vong quốc sử* của Phan Bội Châu.

2. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, 27.

Trần Trọng Kim đã thận trọng lần lại lịch sử của chính thể Việt Nam tính tới thế kỷ III TCN, ngay trước khi nó bị quân Hán xâm lược. Ông xác định nước Việt Nam hiện đại có nguồn gốc từ vương quốc Âu Lạc, đồng thời khẳng định người sáng lập không xuất thân từ đế chế Trung Hoa, do vậy ta không thể nhầm lẫn cho rằng Việt Nam là một tỉnh của Trung Hoa.¹

Những học giả Việt Nam được đào tạo theo lối tư duy khoa học xã hội Tây phương và chịu ảnh hưởng bởi những kiến tạo bản sắc An Nam theo tư duy Đông phương học vẫn theo đuổi việc xác định một nền văn hóa Việt Nam đặc trưng và thuần nhất. Nhiều người trong số họ đã khai thác sự đề cao Luật nhà Lê của các học giả Viễn Đông Bác Cổ, coi đó như mang tinh thần Việt Nam và sử dụng những kiến tạo này làm minh chứng cho thấy xứ thuộc địa cũng văn minh như phương Tây.² Những người khác, như nhà sử học đầu ngành có khuynh hướng dân tộc và xã hội chủ nghĩa Nguyễn Văn Huyền, xác định nét độc đáo của Việt Nam trong những đặc trưng nhân chủng, kiến trúc và thói quen ăn uống.³ Cũng như những đồng nghiệp trong lĩnh vực luật, ông đã khai thác những kiến tạo Đông phương luận của Pháp về tâm thức An Nam và chuyển hóa chúng thành những đặc trưng dân tộc. Tầm quan trọng của làng trong xã hội Việt Nam và sự phản kháng chống ngoại xâm trở thành những dấu hiệu trọng yếu cho một tinh thần dân tộc riêng của Việt Nam.

-
1. *Việt Nam sử lược*, sđd, 43. Những sử gia Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thời kỳ đầu chia mũi nhọn phê phán vào Trần Trọng Kim một phần là bởi thế hệ của họ đã chịu ảnh hưởng rất lớn từ ông, xem Pelley, *Postcolonial Vietnam* [Việt Nam hậu thuộc địa], 36-40.
 2. Chẳng hạn như Nguyễn Mạnh Tường, *L'individu dans la vieille cité annamite* [Cái cá nhân trong xã hội cổ An Nam] và Trần Văn Chương, *Essai sur l'esprit du droit* [Tiểu luận về tinh thần pháp luật].
 3. Nguyễn Văn Huyền, *La civilisation annamite* [Văn minh Việt Nam], 19-71.

Từ năm 1945 đến năm 1975, học giả hai miền Bắc, Nam đã tiếp tục công bố nhiều bài sử nhằm khẳng định quốc gia của mình là người kế thừa hợp thức truyền thống vĩ đại của dân tộc. Một vấn đề chia rẽ hai giới sử học là vai trò của khởi nghĩa Tây Sơn vào thế kỷ XVIII. Tuyết đại bộ phận sử học miền Bắc khắc họa Tây Sơn thành một phong trào nông dân “được dẫn dắt bởi những người lãnh tụ cống hiến cho dân tộc và công cuộc bảo vệ và thống nhất đất nước”, trong khi đó các học giả miền Nam vẫn tiếp tục sự phủ nhận của triều Nguyễn đối với tính hợp thức của Tây Sơn, hoặc như Trần Trọng Kim, chấp nhận sự hợp thức của Nguyễn Huệ như một vị hoàng đế sau năm 1788 (lập lại trật tự sau khi vua nhà Lê trốn sang Trung Quốc) chứ không phải là một người khởi nghĩa.¹

Lãnh thổ Việt Nam bị chia cắt vào năm 1954 đã dẫn đến sự phân cực về thiết chế và ý thức hệ nhưng lại không đặt ra nghi vấn về tính thống nhất của một quá khứ dân tộc. Ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (miền Bắc Việt Nam), Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý và Văn học ra đời từ năm 1953 đã phân nhánh thành Viện Sử học và Viện Văn học vào năm 1959, trong đó Viện Sử học tập trung điều hòa các cuộc tranh luận để trở thành “một dòng chảy chung thống nhất”, do Ủy ban đứng ra làm tác giả, cho thấy diễn tiến của một quốc gia Việt Nam cổ đại phát triển qua các thời kỳ từ nô lệ, phong kiến đến tư bản, để tập hợp lại trong cuộc đấu tranh dưới sự lãnh đạo thành công của Đảng.² Ở miền Nam, từng cá nhân tác giả vẫn tiếp tục tranh luận với nhau và với miền Bắc trong việc đi tìm nguồn gốc thượng cổ cho bản sắc Việt Nam. Công trình lớn và công phu của Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, lập lại những phát hiện của Ngô Sĩ Liên trong

1. Dutton, *Tây Sơn Uprising* [Khởi nghĩa Tây Sơn], 27; Pelley, *Postcolonial Vietnam* [Việt Nam hậu thuộc địa], 37-38.

2. Pelley, *Postcolonial Vietnam* [Việt Nam hậu thuộc địa], 20-28. Công trình có tầm quyền mạnh nhất của Viện Sử học là cuốn *Lịch sử Việt Nam*.

việc truy tìm nguồn gốc Việt Nam về tới năm 2789 TCN, tới Lạc Long Quân và nền tảng của kỷ Hồng Bàng. Thế nhưng, Phạm Văn Sơn còn đưa vào câu chuyện của mình một chiều kích xa xôi hơn để phân biệt rõ hơn nguồn gốc Việt Nam tách biệt khỏi Trung Quốc. Đối với ông, Thần Nông Viêm Đế vốn được Ngô Sĩ Liên khẳng định là tổ tiên của người Việt là một vị thần nông nghiệp cai quản một vùng đất không kém phần diệu kỳ so với Thần Nông Trung Hoa.¹ Xã hội Lạc Việt thời Hồng Bàng cũng không kém phần rạn vỡ như thời vua Nghiêu, vua Thuấn.²

Làm cầu nối giữa các tác gia theo trường phái dân tộc chủ nghĩa trong nước và giới nghiên cứu phương Tây thời hậu chiến là Lê Thành Khôi ở Pháp và Trương Bửu Lâm ở Hoa Kỳ.³ Tác phẩm *Histoire du Việt-Nam: des originis à 1858* [Lịch sử Việt Nam: từ nguồn gốc đến 1858] của Lê Thành Khôi đã lồng ghép nhãn quan môi trường của Braudel và khung cảnh Đông Nam Á (ông là người Việt Nam đầu tiên viết lịch sử Đông Nam Á, năm 1959) vào trần thuật quốc gia.⁴ Ông cho rằng sự hỗn dung giữa những đặc trưng Mông-gô-lô-ít và Nam Á đã tạo ra dân tộc Việt Nam rất đặc trưng.⁵ Khôi thừa nhận rằng tổ tiên của Âu Lạc có nguồn gốc Trung Hoa nhưng đã trở thành người Việt Nam bằng cách hòa mình vào phong tục địa phương. Ông lập luận rằng, khả năng của người Lạc kháng cự lại ách đô hộ, và việc kết hợp những gì hay nhất của văn hóa Trung Hoa với phong tục địa phương

-
1. Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, 1: 78. Công trình này có bảy tập, tập cuối xuất bản năm 1972.
 2. Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, 83.
 3. Các học giả nghiên cứu luật như Nguyễn Ngọc Huy và Tạ Văn Tài, các giáo sư trước đây ở Trường Luật Sài Gòn và sau đó giữ một chân ở Trường Luật Harvard, cũng là những nhân vật chuyển giao quan trọng.
 4. Lê Thành Khôi, *Histoire du Việt-Nam* [Lịch sử Việt Nam], 19. Xem trong tương quan với *Histoire de l'Asie du Sud-Est* [Lịch sử Đông Nam Á] cùng tác giả.
 5. Lê Thành Khôi, *Histoire du Việt-Nam* [Lịch sử Việt Nam], 80.

đã trở thành điều kiện tạo nên nền độc lập và một nền văn hóa Việt Nam độc đáo, phát triển vào thế kỷ X.¹ Trương Bửu Lâm, người vào năm 1964 đã rời Viện Nghiên cứu Lịch sử Sài Gòn sang Hoa Kỳ, đã “mở mắt” cho những người Mỹ thấy điều mà ông gọi là “mối dây kết nối với quá khứ” của chủ nghĩa quốc gia dân tộc ở Việt Nam. Theo ông diễn tả, cuộc kháng chiến của người Việt Nam chống Trung Quốc và Pháp mang những biểu hiện rất hiện đại gọi lên một cuộc đấu tranh dân tộc trải qua nhiều thế kỷ.²

VÙNG BIÊN TRANH CHẤP TRONG DIỄN NGÔN HỌC THUẬT PHƯƠNG TÂY

Sử học trong tiếng Anh phát hiện ra Việt Nam chủ yếu trong thời kỳ xung đột từ năm 1945 đến năm 1975. Phản ứng chống lại những chiến dịch quân sự của Pháp rồi sau là Mỹ nhằm tấn công phong trào dân tộc Việt Nam do những người cộng sản lãnh đạo đã tạo ra một cảnh huống trong đó việc khẳng định những đặc trưng và sắc thái của một dòng truyền thống quốc gia đơn tuyến dường như tương đương với việc hỗ trợ cho CIA. Để giải thích cho công chúng Mỹ bấy giờ hoang mang về lòng ngoan cường kháng chiến của người Việt Nam, một bản sắc độc đáo có thể truy nguồn từ thế kỷ III TCN và cuộc trường kỳ kháng chiến chống Trung Hoa, thể hiện một cách tiếp cận gần với những thuyết âm mưu cộng sản quốc tế.³ Mặc dù logic hàm chứa trong

-
1. Lê Thành Khôi, *Histoire du Việt-Nam* (Lịch sử Việt Nam), 121.
 2. Trương Bửu Lâm, *Patterns of Vietnamese Response to Foreign Intervention* [Những khuôn mẫu người Việt đáp trả lại can thiệp ngoại bang].
 3. Trong số những công trình nghiên cứu lịch sử có ảnh hưởng lớn trong thời gian chiến tranh có thể kể đến *Vietnamese Anticolonialism* [Phong trào chống thực dân của Việt Nam] của Marr, *Fire in the Lake* [Lửa trong nước] của Fitzgerald, và *Vietnamese and Their Revolution* [Người Việt Nam và cuộc cách mạng của họ] của McAlister và Mus.